**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**Khoa/Viện: Khoa Ngoại Ngữ**

**Bộ môn: Bộ môn Biên - Phiên dịch**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần:**

Tên học phần:

* Tiếng Việt: **T.Hành Giảng dạy 1**
* Tiếng Anh: **Teaching Practice 1**

Mã học phần: ENT379 Số tín chỉ: 3 (45LT)

Đào tạo trình độ: Đại học

Chương trình đào tạo: Ngôn ngữ Anh (4 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)

Học phần tiên quyết:

**2. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng, chiến lược và cách xử lý tình huống khi tổ chức quản lý lớp học, tương tác với đối tượng giảng dạy, xây dựng bài giảng, giảng dạy các lĩnh vực ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm trong lớp học Tiếng Anh. Người học tham dự các lớp Tiếng Anh chuyên ngữ, không chuyên, đồng thời trình bày mô phỏng các tình huống giảng dạy theo nhóm, cá nhân liên quan đến các nội dung trên.

**3. Mục tiêu:**

Rèn luyện người học kỹ năng, chiến lược, chiến thuật cần thiết để tổ chức, thực hiện việc quản lý, tương tác đối tượng giảng dạy, xây dựng bài giảng, giảng dạy các lĩnh vực ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm trong lớp học Tiếng Anh.

**4. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs):** Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

a. Xác định rõ tầm quan trọng của các chủ đề trong giảng dạy Tiếng Anh;

b. Thiết kế tương đối thành thạo các nội dung cơ bản của một bài giảng Tiếng Anh;

c. Tổ chức tương đối thành thạo một lớp học ngữ pháp Tiếng Anh;

d. Giảng dạy tương đối thành thạo một lớp học từ vựng Tiếng Anh;

e. Điều hành tương đối thành thạo một lớp học ngữ âm Tiếng Anh;

**5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra HP với Chuẩn đầu ra CTĐT:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình (PLOs)** | | | | | | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| a |  | X | X |  | X |  |  |  | X |  |
| b |  | X | X |  | X |  |  |  | X |  |
| c |  | X | X |  | X |  |  |  | X |  |
| d |  | X | X |  | X |  |  |  | X |  |
| e |  | X | X |  | X |  |  |  | X |  |

**6. Nội dung:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/Chủ đề** | **Nhằm đạt CLOs** | **Số tiết** | |
| **LT** | **TH** |
| 1 | Giới thiệu học phần và phương pháp học tập | a | 2 |  |
| 2  2.1  2.2  2.3 | Classroom management  Behaviour norms  Giving feedback  Grouping students | a, b | 5 |  |
| 3  3.1  3.2  3.3 | Planning  Designing lessons  Making a formal plan  Planning a sequence of lessons | a, b | 5 |  |
| 4  4.1  4.2 | Technologies in the classroom  Using videos  Using the Internet | a, b, c, d, e | 5 |  |
| 5  5.1  5.2  5.3  5.4 | Teaching Grammar  Introducing grammar  Discovering grammar  Practicing grammar  Grammar games | a, c | 6 |  |
| 6  6.1  6.2  6.3  6.4 | Teaching Vocabulary  Introducing vocabulary  Practicing vocabulary  Vocabulary games  Using dictionaries | a, d | 5 |  |
| 7  7.1  7.2  7.3 | Teaching Pronunciation  Pronunciation problems  When to teach pronunciation  Pronunciation and the individual student | a, e | 5 |  |
| 8 | Review & Assessment | a, b, c, d, e | 12 |  |

**7. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá để đạt Chuẩn đầu ra HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phương pháp dạy học** | **Áp dụng cho  chủ đề** | **Nhằm đạt CLOs** |
| 1 | Thuyết giảng | 1 | a |
| 2 | Thuyết giảng, thảo luận theo nhóm, nghiên cứu tình huống, sử dụng phim tư liệu | 2 | a, b, c, d, e |
| 3 | Thuyết giảng, thảo luận theo nhóm, nghiên cứu tình huống, sử dụng phim tư liệu | 3 | a, d |
| 4 | Thuyết giảng, thảo luận theo nhóm, nghiên cứu tình huống, sử dụng phim tư liệu | 4 | a, b |
| 5 | Thuyết giảng, thảo luận theo nhóm, nghiên cứu tình huống, sử dụng phim tư liệu, sắm vai | 5 | a, e |
| 6 | Thuyết giảng, thảo luận theo nhóm, nghiên cứu tình huống, sử dụng phim tư liệu, sắm vai | 6 | a, c |
| 7 | Thuyết giảng, thảo luận theo nhóm, nghiên cứu tình huống, sử dụng phim tư liệu, sắm vai | 7 | a, e |

**8. Đánh giá kết quả học tập:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hình thức đánh giá** | **Nhằm đạt CLOs** | **Trọng số (%)** |
| 1 | Đánh giá quá trình | a, b, c, d, e | 30 |
| 2 | Thi giữa kỳ | a, b, c, d, e | 30 |
| 3 | Thi cuối kỳ | a, b, c, d, e | 40 |

**9. Tài liệu dạy và học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tác giả** | **Tên tài liệu** | **Năm xuất bản** | **Nhà xuất bản** | **Địa chỉ khai thác tài liệu** | **Mục đích sử dụng** | | |
| **Tài liệu chính** | **Tham khảo** |
| 1 | Jeremy Harmer | The Practice of English language Teaching (5th edition) | 2015 | Pearson | Thư viện | X |  |
| 2 |  | Shaping the Way We Teach English: From Observation to Action | 2013 | United States Department of State | Thư viện | X |  |
| 3 | Jack C. Richards & Willy A. Renandya | Methodology in Language Teaching: an anthology of current practice | 2002 | Cambridge University Press | Thư viện | X |  |
| 4 | Diane Larsen-Freeman  & Marti Anderson | Techniques & Principles in Language Teaching | 2011 | Oxford | Thư viện |  | X |
| 5 | Penny Ur | A course in Language Teaching | 1999 | Cambridge University Press | Thư viện |  | X |

*Ngày cập nhật*: *19/08/2024*

**NHÓM GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**Đặng Kiều Diệp**

**TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG BỘ MÔN**